TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 30- 8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông
Ông Nguyễn Văn Ngữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Tòa án nhân đân huyện S xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 250/TB-TA ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988 (có mặt);

Thường Trú: Thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Khu 12, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Văn N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng Văn N trình bày:

Anh tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với chị Nguyễn Thị P, có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ

chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, anh nghi ngờ chị P có quan hệ ngoại tình, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018, hiện cháu đang ở cùng anh. Hiện anh làm nghề lái xe, bán hàng, có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Tuấn A, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại biên bản tự khai ngày 22/5/2023, và lời khai tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị thừa nhận về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như anh N khai là đúng, chị cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã ly thân, chị xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn anh N.

Về con chung: Chị thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018, hiện cháu Tuấn A đang ở cùng anh N, ngoài ra chị còn có 01 con riêng là cháu Tạ Thu H, sinh ngày 30/8/2015 cháu H đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Tuấn A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị và anh N khôngcó.

Chứng cứ chị P đưa ra để phản đối yêu cầu của anh N là bảng lương tháng 5/2023 của Công ty cổ phần cung ứng nhân lực H- chi nhánh Vĩnh Phúc, mức lương của chị là: 9.216.048 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng Văn N không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị P không thay đổi ý kiến đã trình bày, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018. Anh N không phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 29/6/2023, anh N kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm nói trên về phần giải quyết nuôi con chung, anh đề nghị giao con chung cho anh nuôi. Với lý do bản thân anh nuôi con từ khi anh và chị Ph ly thân, cháu đang học ổn định, chị P đi làm Công ty xa nhà hơn và phải nuôi dưỡng một con riêng của chị P là cháu Tạ Thu H, sinh ngày 30/8/2015, trong khi anh có nhà riêng có công việc lái xe và kinh doanh quán trà sữa với mức thu ổn định khoảng 15 triệu đồng/tháng. Do vậy, anh đề nghị sửa bản án sơ thẩm giao con chung là Hoàng Tuấn A cho anh nuôi dưỡng để cháu được hưởng quyền lợi tốt nhất về mọi mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Văn N không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Hoàng Văn N trình bầy: Anh kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, anh đề nghị được nuôi cháu Tuấn A, với mức thu nhập của anh hiện nay tốt hơn chị P, anh lái xe và có quán bán hàng thu nhập khoảng 15 triệu đồng đến 17 triệu đồng/tháng, anh có nhà riêng, anh nuôi con sẽ đảm bảo điều kiện tốt hơn cho con là giao con cho chị P vì chị P hiện đang nuôi một con riêng, chị P không có nhà riêng mà đang ở chung cùng bố mẹ đẻ, nhà mẹ chị P còn có em dì và em cậu ở cùng, chị P không hỏi thăm con. Anh nuôi con từ khi chị P về nhà mẹ ở. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Chị Nguyễn Thị P trình bầy: Chị không đồng ý kháng cáo của anh N, anh N trình bầy không đúng, anh nói thu nhập 15 triệu đồng đến 17 triệu đồng nhưng khi ba mẹ con chị ở cùng nhau anh không đưa tiền cho chị nuôi con, chị về bố mẹ chị ở nhưng nhiều lần chị gọi điện thoại thăm con nhưng anh N không cho gặp, không nghe máy nên chị mới không gọi, chị hiện đang làm Công ty thu nhập khoảng 09 triệu đồng đến 10 triệu đồng/tháng. Chị đảm bảo điều kiện nuôi hai con. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có mặt tại phien tòa, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiển sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn N và chị Nguyễn Thị P đều trình bầy anh, chị tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S ngày 20/9/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P, chị P đồng ý ly hôn anh N. Bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N và chị P. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nuôi con chung: Anh N và chị P đều trình bầy vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Tuấn Anh, sinh ngày 02/6/2018. Cả anh N và chị P đều có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Tuấn A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bản án sơ thẩm giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018. Anh N kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử sử bản án sơ thẩm giao cháu Hoàng Tuấn A cho anh nuôi dưỡng . Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn N Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa anh N trình bầy chị P có thu nhập thấp hơn anh, phải ở nhờ nhà mẹ đẻ, đang nuôi một con riêng của chị, nên nuôi con sẽ không có được điều kiện tốt nhất cho con. Hội đồng xét xử thấy anh N và chị P đều có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở. Do vậy anh N, chị P về điều kiện nuôi con là như nhau. Nhưng xét thấy cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện của các bên và giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Anh N không đưa ra được căn cứ chứng minh chị P không có đủ điều kiện nuôi con. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Trường hợp anh N chứng minh được người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện nuôi con, thì anh N có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/6/2018. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015576, ngày 05/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện S;
-VKSND huyện S;
-Chi cục THADS huyện S;
-UBND xã A, huyện S;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự; Lưu hồ sơ, THCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền